

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**  
**CỤC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI**

**BẢN THUYẾT MINH**

**V/v xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý ngoại hối liên quan đến phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý:**

**1.1. Điều 18 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định**

*“Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định:*

*1. Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;*

*2. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”.*

**1.2. Nghị quyết số 66/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Nghị quyết 66).**

Nghị quyết 66/NQ – CP đề ra mục tiêu năm 2026 về việc tiếp tục tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh đạt mục tiêu cụ thể như sau:

*“a) Cắt giảm, đơn giản hoá 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.*

*b) Cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024; 100% thủ tục hành chính quy định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử.”*

Điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 66/NQ-CP giao các bộ, cơ quan ngang bộ “d) [...] áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để

*thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh.”*

**1.3. Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" (Kết luận số 18-KL/TW)**

Về những nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 để thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" tại Phụ lục 3 có bao gồm nhiệm vụ:

*“- Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp (thời hạn hoàn thành Quý II/2026).*

*- Đẩy mạnh phân cấp thủ tục hành chính, bảo đảm cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý (thời hạn hoàn thành Quý II/2026).”*

**1.4. Công văn 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 về việc triển khai các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Công văn 464/TTg-CĐS)**

Tại công văn 464/TTg-CĐS, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến về việc triển khai 8 Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm thủ tục hành chính điều kiện kinh doanh, yêu cầu: *“Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương triển khai, hướng dẫn thi hành các Nghị quyết đã được Chính phủ ban hành, nhất là các trình tự, thủ tục để triển khai các thủ tục hành chính đã phân cấp về cho các địa phương; ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các Nghị quyết của Chính phủ; hoàn thành trước ngày 20 tháng 5 năm 2026.”*

Căn cứ các nội dung trên, Cục QLNH đề xuất NHNN ban hành 01 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý ngoại hối liên quan đến phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính như được giao tại Nghị quyết 66/NQ-CP, Kết luận số 18-KL/TW, công văn 464/TTg-CĐS. Cụ thể, sửa đổi một số quy định về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối sẽ sửa đổi 11 TTHC đang được quy định tại 05 Thông tư.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Trên cơ sở rà soát:

Thông tư số 22/2013/TT-NHNN hướng dẫn thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh (đã được sửa đổi, bổ sung) (sau đây gọi là Thông tư 22/2013/TT-NHNN),

Thông tư số 37/2013/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và

thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú (đã được sửa đổi, bổ sung) (sau đây gọi là Thông tư 37/2013/TT-NHNN),

Thông tư số 10/2016/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung) (sau đây gọi là Thông tư 10/2016/TT-NHNN),

Thông tư số 39/2025/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức (sau đây gọi là Thông tư số 39/2025/TT-NHNN);

Thông tư số 26/2021/TT-NHNN hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối (đã được sửa đổi, bổ sung) (sau đây gọi là Thông tư số 26/2021/TT-NHNN); và

Báo cáo số 176/BC-NHNN ngày 23/4/2026 của NHNN báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng về kết quả rà soát cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh và một số nội dung phù hợp với quy định hiện hành, Cục QLNH thấy cần thiết phải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với thực tiễn triển khai.

## **II. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

### **1. Nguyên tắc xây dựng dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư được xây dựng để thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP, Kết luận số 18-KL/TW, công văn 464/TTg-CĐS.

### **2. Định hướng xây dựng dự thảo Thông tư**

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thời gian thực hiện thủ tục hành chính để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phù hợp với quy định Báo cáo số 176/BC-NHNN ngày 23/4/2026 của NHNN báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng về kết quả rà soát cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh.

## **III. TÊN VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

### **1. Tên dự thảo Thông tư**

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý ngoại hối liên quan đến phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

### **2. Bộ cục của dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư được xây dựng gồm 06 Chương, 05 Chương đầu mỗi Chương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của từng Thông tư: Thông tư 22/2013/TT-NHNN, Thông tư 37/2013/TT-NHNN, Thông tư 10/2016/TT-NHNN, Thông tư số 39/2025/TT-NHNN, Thông tư số 26/2021/TT-NHNN và Chương VI: Điều khoản thi hành.

#### IV. THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG TẠI DỰ THẢO THÔNG TƯ

	Quy định hiện tại	Dự thảo Thông tư	Lý do
1.		<p><b>Chương I</b>  <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 22/2013/TT-NHNN HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VÀ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH</b></p>	
	<p><b>Điều 3. Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:</p> <p>a) Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài (theo Phụ lục 1A kèm theo Thông tư này) hoặc Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 1B kèm theo Thông tư này);</p> <p>b) Thư bảo lãnh của Bộ Tài chính;</p> <p>c) Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh sử dụng vốn huy động từ khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế;</p> <p>d) Hợp đồng vay nước ngoài đã ký hoặc các</p>	<p><b>Điều 1. Sửa đổi Điều 3 như sau:</b></p> <p><b>“Điều 3. Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh</b></p> <p>1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:</p> <p>a) Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài (theo Phụ lục 1A kèm theo Thông tư này) hoặc Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 1B kèm theo Thông tư này);</p> <p>b) Thư bảo lãnh của Bộ Tài chính;</p> <p>c) Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm</p>	<p>- Rút ngắn thời hạn xử lý hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc (giảm 02 ngày làm việc tương đương 2,94 ngày)</p> <p>- Rút ngắn thời hạn xử lý đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc (01 ngày làm việc)</p> <p><b>Lý do:</b> để phù hợp với Nghị quyết số 66/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Nghị quyết 66);</p> <p>- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả</p>

<p>hợp đồng liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế (theo cấu trúc đợt phát hành).</p> <p>2. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thư bảo lãnh được ký và trước khi thực hiện rút vốn khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế.</p> <p>Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: bên đi vay hoặc bên phát hành trái phiếu quốc tế, bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng đại diện bên cho vay) hoặc đại diện bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng đại diện bên cho vay, đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái</p>	<p>quyền theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất kinh doanh sử dụng vốn huy động từ khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế;</p> <p>d) Hợp đồng vay nước ngoài đã ký hoặc các hợp đồng liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế (theo cấu trúc đợt phát hành).</p> <p>2. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thư bảo lãnh được ký và trước khi thực hiện rút vốn khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế.</p> <p>Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay</p>	<p>nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"; (Kết luận số 18-KL/TW)</p> <p>- Công văn 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 về việc triển khai các Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Công văn 464/TTg-CĐS )</p> <p>- Báo cáo số 176/BC-NHNN ngày 23/4/2026 của NHNN báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng về kết quả rà soát cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh (Báo cáo số 176/BC-NHNN).</p>
---	--	--

<p>phiếu quốc tế (giá trị khoản vay, tổng trị giá khoản phát hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do;</p> <p>c) Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có thông báo bằng văn bản gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 ngày kể từ khi thông báo, nếu bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế.”.</p>	<p>nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: bên đi vay hoặc bên phát hành trái phiếu quốc tế, bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng đại diện bên cho vay) hoặc đại diện bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng đại diện bên cho vay, đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (giá trị khoản vay, tổng trị giá khoản phát hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có). Trường hợp</p>	
---	---	--

		<p>từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do;</p> <p>c) Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có thông báo bằng văn bản gửi bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 (sáu mươi) kể từ khi thông báo, nếu bên đi vay, bên phát hành trái phiếu quốc tế không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế.”.</p>	
		<p><b>Điều 2. Bổ sung Điều 5a vào trước Điều 5 “Điều 5a. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh</b></p> <p>Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh quy định tại Thông tư này là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên đi vay hoặc bên phát hành trái phiếu quốc tế đặt trụ</p>	<p>Bổ sung để phân cấp về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, phù hợp với Nghị quyết 66, Kết luận số 18-KL/TW, Công văn 464/TTg-CĐS, Báo cáo số 176/BC-NHNN.</p>

		sở chính.”	
		<b>Điều 4. Thay thế các Phụ lục</b> Thay thế Phụ lục 1A, Phụ lục 1B, Phụ lục 2A, Phụ lục 2B ban hành kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục 1A, Phụ lục 1B, Phụ lục 2A, Phụ lục 2B thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.	Sửa đổi phụ lục để phù hợp với thẩm quyền xử lý Thủ tục hành chính.
2.		<b>Chương II</b> <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 37/2013/TT-NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI VÀ THU HỒI NỢ BẢO LÃNH CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ</b>	
		<b>Điều 4. Bổ sung Điều 6a vào trước Điều 6</b> <b>“Điều 6a. Thẩm quyền xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế</b>  1. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài:  a) Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối): đối với các khoản cho vay có số tiền cho vay trên 10 triệu USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương);  b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên cho vay đặt trụ sở chính: đối	Bổ sung để phân cấp về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, phù hợp với Nghị quyết 66, Kết luận số 18-KL/TW, Công văn 464/TTg-CĐS, Báo cáo số 176/BC-NHNN.  Theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối, các khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh của Tổ chức kinh tế đều phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý trước khi thực hiện. Việc đầu mỗi trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận thông thường được Văn phòng Chính phủ giao NHNN Trung ương hoặc Bộ Tài chính (trước đây là Bộ Kế hoạch và đầu tư) thực hiện. Sau khi được chấp

		<p>với các khoản cho vay có số tiền cho vay đến 10 triệu USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương).”</p> <p>2. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh quy định tại Thông tư này là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên bảo lãnh đặt trụ sở chính.</p> <p>3. Trường hợp việc thay đổi tăng hoặc giảm số tiền cho vay, thay đổi đồng tiền cho vay, thay đổi trụ sở chính của bên cho vay, thay đổi bên cho vay sang doanh nghiệp có trụ sở chính thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác làm thay đổi Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này:</p> <p>a) Bên cho vay có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay nước ngoài đến cơ quan có thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Cơ quan xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài lần gần nhất phối hợp cung cấp thông tin, chuyển hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền xử</p>	<p>thuận, tổ chức kinh tế thực hiện đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh; đăng ký thay đổi trong trường hợp có nội dung thay đổi theo quy định về quản lý ngoại hối trong lĩnh vực này.</p> <p>Như vậy, thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, thu hồi nợ bảo lãnh của TCKT được thực hiện trên cơ sở khoản cho vay, khoản thu hồi nợ bảo lãnh đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; vì vậy, có thể phân cấp cho NHNN chi nhánh khu vực xem xét xử lý các thủ tục này. Tuy nhiên, đối với các khoản cho vay ra nước ngoài, việc phân cấp tại thời điểm hiện tại nên thực hiện một phần (theo giá trị khoản cho vay, mức phân cấp là 10 triệu USD hoặc giá trị tương đương bằng ngoại tệ khác) nhằm bảo đảm Ngân hàng Nhà nước vẫn theo dõi, nắm bắt tình hình thực hiện các khoản cho vay có quy mô lớn, phục vụ công tác điều hành và theo dõi cung – cầu ngoại tệ trên thị trường.</p>
--	--	---	--

		<p>lý.</p> <p>4. Tỷ giá sử dụng để xác định Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều này là tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố áp dụng tại thời điểm ký các thỏa thuận cho vay ra nước ngoài hoặc thỏa thuận thay đổi của khoản cho vay ra nước ngoài liên quan đến số tiền cho vay.”</p>	
	<p><b>Điều 12. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế</b></p> <p>1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bảo lãnh cho người không cư trú, trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày chuyên tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bên bảo lãnh nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này trừ trường hợp Bên bảo lãnh hoàn thành việc thu hồi toàn bộ nghĩa vụ nợ bảo lãnh trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày chuyên tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.</p> <p>2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm các nội</p>	<p><b>Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12</b></p> <p><b>“Điều 12. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế</b></p> <p>1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho tổ chức kinh tế bảo lãnh cho người không cư trú, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày chuyên tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bên bảo lãnh nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này trừ trường hợp Bên bảo lãnh hoàn thành việc thu hồi toàn bộ nghĩa vụ nợ bảo lãnh trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày chuyên tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.</p> <p>2. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc</p>	<p>- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.</p> <p>- Đồng thời cắt giảm thời gian ra văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc. Lý do: Bổ sung để phân cấp về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, phù hợp với Nghị quyết 66, Kết luận số 18-KL/TW, Công văn 464/TTg-ĐDS, Báo cáo số 176/BC-NHNN.</p>

<p>dung chính sau: bên bảo lãnh; bên được bảo lãnh; bên nhận bảo lãnh; các điều kiện cơ bản của khoản thu hồi nợ bảo lãnh: hạn mức bảo lãnh, số tiền đã bảo lãnh, mục đích bảo lãnh, lãi suất thu hồi nợ, lãi phạt, phí, kế hoạch thu hồi nợ; tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau sáu mươi (60) ngày kể từ khi thông báo, nếu bên bảo lãnh không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế.”.</p>	<p>kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm các nội dung chính sau: bên bảo lãnh; bên được bảo lãnh; bên nhận bảo lãnh; các điều kiện cơ bản của khoản thu hồi nợ bảo lãnh: hạn mức bảo lãnh, số tiền đã bảo lãnh, mục đích bảo lãnh, lãi suất thu hồi nợ, lãi phạt, phí, kế hoạch thu hồi nợ; tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi thông báo, nếu bên bảo lãnh không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế.”.</p>	
--	--	--

<p><b>Điều 14. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế</b></p> <p>1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, bên bảo lãnh nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.</p> <p>2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau sáu mươi (60) ngày kể từ khi thông báo, nếu bên bảo lãnh không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế.”</p>	<p><b>Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14</b></p> <p><b>“Điều 14. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế</b></p> <p>1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, bên bảo lãnh nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.</p> <p>2. Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trong thời hạn 4 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi thông báo, nếu bên</p>	<p>- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế từ 10 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.</p> <p>- Đồng thời cắt giảm thời gian ra văn bản yêu cầu bên bảo lãnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.</p> <p><b>Lý do:</b> Bổ sung đề phân cấp về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, phù hợp với Nghị quyết 66, Kết luận số 18-KL/TW, Công văn 464/TTg-CĐS, Báo cáo số 176/BC-NHNN.</p>
--	--	---

		<p>bảo lãnh không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế.”.</p>	
		<p><b>Điều 7. Thay thế cụm từ, Phụ lục</b>  1. Thay thế cụm từ “Cục Quản lý Ngoại hối” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên cho vay đặt trụ sở chính” tại khoản 1 Điều 18.  2. Thay thế cụm từ “Cục Quản lý Ngoại hối” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên bảo lãnh đặt trụ sở chính” tại khoản 1, khoản 2 Điều 19.  3. Thay thế cụm từ “Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý Ngoại hối” và cụm từ “Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại Điều 23.  4. Thay thế Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4, Phụ lục số 5, Phụ lục số 6, Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 37/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4, Phụ lục số 5, Phụ lục số 6, Phụ lục số 7 thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>Sửa đổi một số cụm từ và phụ lục để phù hợp với thẩm quyền xử lý Thủ tục hành chính.</p>

3.		<p><b>Chương III</b>  <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 10/2016/TT-NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2015/NĐ-CP NGÀY 31/12/2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI</b></p>	
	<p><b>Khoản 2 Điều 6: Trình tự, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135</b>  “...c) Trong thời hạn <b>20 (mười) ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm b khoản này và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;”.</p>	<p><b>Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 6</b>  “...c) Trong thời hạn <b>10 (mười) ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến của các cơ quan quy định tại điểm b khoản này và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;”.</p>	<p>Rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính (thời gian tổng hợp ý kiến đề trình TTCP) từ 20 ngày làm việc thành 10 ngày làm việc.  <b>Lý do:</b> Việc cắt giảm thời gian xử lý thủ tục này không làm giảm yêu cầu kiểm soát rủi ro, không làm đơn giản hóa quá mức điều kiện quản lý ngoại hối, mà là biện pháp hợp lý nhằm chuẩn hóa quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ và bảo đảm phù hợp với chủ trương cải cách, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</p>
	<p><b>Khoản 2 Điều 15: Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài</b>  ...b) Trong thời hạn <b>25 (mười lăm) ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước</p>	<p><b>Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15</b>  “2...b) Trong thời hạn <b>15 (mười lăm) ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.</p>	<p>Rút ngắn thời hạn xử lý thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc thành 15 ngày làm việc.  <b>Lý do:</b> Việc cắt giảm thời hạn xử lý thủ tục này không làm giảm yêu cầu kiểm soát rủi ro, không làm đơn giản hóa quá mức điều kiện quản lý ngoại hối, mà là biện pháp hợp lý nhằm chuẩn hóa quy trình xử lý, nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ và bảo đảm phù hợp với chủ trương cải cách, cắt</p>

	thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.		giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính.
4.		<b>Chương IV SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 39/2025/TT-NHNN QUY ĐỊNH VIỆC MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC</b>	
	<b>Điều 8. Thẩm quyền cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép</b> Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối xem xét, quyết định cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép.	<b>Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 8</b> “Điều 8. Thẩm quyền cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép 1. Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối xem xét, quyết định cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các trường hợp mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Thông tư này. 2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, thẩm quyền cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện như sau: a) Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối: cấp Giấy phép đối với tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện một hoặc nhiều khoản vay nước ngoài trong đó có khoản vay nước ngoài trung dài hạn nước ngoài có số tiền vay trên 20 triệu	Bổ sung để phân cấp về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực, phù hợp với Nghị quyết 66, Kết luận số 18-KL/TW, Công văn 464/TTg-CĐS, Báo cáo số 176/BC-NHNN.  Việc phân cấp mở tài khoản ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo thẩm quyền xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay đảm bảo thống nhất một đầu mối xử lý toàn bộ các TTHC liên quan đến khoản vay nước ngoài. Riêng Giấy phép để thực hiện các khoản vay nước ngoài ngắn hạn sẽ do Cục QLNH cấp để đảm bảo tập trung đầu mối theo dõi chặt chẽ việc sử dụng tài khoản của các khoản vay nước ngoài ngắn hạn (khoản vay nước ngoài ngắn hạn không yêu cầu phải đăng ký với NHNN, việc chuyển tiền thực hiện dựa vào thỏa thuận giữa các bên do

		<p>USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương) và khoản vay ngắn hạn nước ngoài;</p> <p>b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi bên đi vay đặt trụ sở chính: cấp Giấy phép đối với tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện một hoặc nhiều khoản vay nước ngoài trung dài hạn có số tiền vay đến 20 triệu USD (hoặc loại tiền tệ khác có giá trị tương đương).</p> <p>c) Người có thẩm quyền cấp Giấy phép ban đầu là người có thẩm quyền thu hồi, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đó.</p>	<p>đó có thể phát sinh nhiều tình huống chuyển tiền ra tài khoản ở nước ngoài cần được đánh giá kỹ dựa trên điều kiện, điều khoản của khoản vay và bảo đảm khoản vay ngắn hạn phải hợp pháp).</p> <p>Do quy định hiện hành tại Thông tư 39/2025/TT-NHNN cho phép sử dụng 01 tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài cho nhiều khoản vay nước ngoài nên cần có nguyên tắc đầu mỗi xử lý cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép. Dự thảo Thông tư đã quy định nguyên tắc Cục QLNH cấp Giấy phép trong trường hợp bên đi vay sử dụng 1 tài khoản cho nhiều khoản vay, trong đó có khoản vay ngắn hạn hoặc khoản vay trung dài hạn trên 20 triệu USD. Ngoài ra, trường hợp bên đi vay đã có Giấy phép và muốn sửa đổi, bổ sung Giấy phép để thực hiện thêm khoản vay mới thì thẩm quyền cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép do người có thẩm quyền cấp Giấy phép ban đầu thực hiện để thống nhất về thẩm quyền.</p>
	<p><b>Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép</b> 1. Các tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu mở tài khoản</p>	<p><b>Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9</b> “1. Các tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với nội dung sửa đổi cấp thẩm quyền tại Điều 10.</p>

	ngoại tệ ở nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.	Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này.”	
	<p><b>Điều 12. Trình tự, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép</b></p> <p>1. Tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép, lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.</p>	<p><b>Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12</b></p> <p>“1. Tổ chức (trừ tổ chức tín dụng được phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép, lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này.”</p>	Sửa đổi để phù hợp với nội dung sửa đổi cấp thẩm quyền tại Điều 10.
	<p><b>Điều 16. Thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép</b></p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho tổ chức để thực hiện; Sao gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính và tổ chức tín dụng được phép nơi tổ chức thực hiện chuyển tiền sang tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài để phối hợp quản lý, theo dõi.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực, tổ chức có trách nhiệm:</p> <p>a) Đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản về nước;</p>	<p><b>Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 16</b></p> <p>“3. Ngân hàng Nhà nước gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho tổ chức để thực hiện; Sao gửi Quyết định thu hồi Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và tổ chức tín dụng được phép nơi tổ chức thực hiện chuyển tiền sang tài khoản ngoại tệ tại nước ngoài để phối hợp quản lý, theo dõi.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày</p>	Sửa đổi để phù hợp với nội dung sửa đổi cấp thẩm quyền tại Điều 10.

	<p>b) Báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài về việc đóng tài khoản cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối), đồng thời sao gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Nộp lại bản gốc Giấy phép, các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối).</p>	<p>Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực, tổ chức có trách nhiệm:</p> <p>a) Đóng tài khoản và chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản về nước;</p> <p>b) Báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nước ngoài về việc đóng tài khoản cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Nộp lại bản gốc Giấy phép, các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này.”</p>	
	<p><b>Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức liên quan</b></p> <p>2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:</p> <p>a) Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với hoạt động mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của các tổ chức trên địa bàn theo thẩm quyền;</p> <p>b) Đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức trên địa bàn chấp hành chế độ báo cáo.</p>	<p><b>Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17</b></p> <p>“2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:</p> <p>a.1) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức theo thẩm quyền;</p> <p>a) Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với hoạt động mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của các tổ chức trên địa bàn theo</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với nội dung sửa đổi cấp thẩm quyền tại Điều 10.</p>

		<p>thẩm quyền;</p> <p>b.1) Tiếp nhận, theo dõi tình hình thực hiện báo cáo liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức trên địa bàn theo thẩm quyền;</p> <p>b) Đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức trên địa bàn chấp hành chế độ báo cáo.”</p>	
		<p><b>Điều 15. Thay thế Phụ lục</b> Thay thế Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 39/2025/TT-NHNN bằng Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	Sửa đổi để phù hợp với nội dung sửa đổi cấp thẩm quyền tại Điều 10.
5.		<p><b>Chương V</b> <b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 26/2021/TT-NHNN HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH NGOẠI TỆ GIỮA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI</b></p>	
	<p><b>Điều 6. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ</b> Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép về việc đồng ý hoặc không đồng ý thiết lập quan hệ giao</p>	<p><b>Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 6.</b> <b>“ Điều 6. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ</b> Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép về việc</p>	- Rút ngắn thời gian xử lý TTHC tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ từ 7 ngày xuống 4 ngày để phù hợp với quy định Báo cáo số 176/BC-NHNN ngày 23/4/2026 của NHNN báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng về kết quả rà soát cắt giảm,

	<p>dịch ngoại tệ (trường hợp không đồng ý, Ngân hàng Nhà nước nêu rõ lý do). Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi hoặc bổ sung, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép trong vòng 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập giao dịch ngoại tệ. Tổ chức tín dụng được phép sửa đổi, bổ sung hồ sơ và gửi đến Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	<p>đồng ý hoặc không đồng ý thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ (trường hợp không đồng ý, Ngân hàng Nhà nước nêu rõ lý do).  Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi hoặc bổ sung, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng được phép trong vòng 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ. Tổ chức tín dụng được phép sửa đổi, bổ sung hồ sơ và gửi đến Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.”</p>	<p>phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh. - Bổ sung yêu cầu hợp lệ đối với hồ sơ đăng ký nhằm bảo đảm tính chuẩn xác và chặt chẽ hơn trong quá trình xem xét, xử lý hồ sơ và giúp việc cắt giảm thủ tục hành chính khả thi. - Sửa đổi thành “...kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch ngoại tệ...” để thống nhất với cách gọi chung trong Thông tư.</p>
6.		<p><b>Chương VI</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	
		<p><b>Điều 17. Hiệu lực thi hành</b> 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. 2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, bãi bỏ Điều 2, khoản 3 Điều 4, Điều 11, Điều 13, Điều 14, Điều 16 và Điều 19 Thông tư số 78/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.</p>	<p>Dự thảo Thông tư quy định Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) tiếp tục xem xét xử lý thủ tục đăng ký thay đổi cho tới khi kết thúc toàn bộ việc trả nợ, thu hồi nợ đối với các khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh, khoản cho vay ra nước ngoài và khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế đã được Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) xác nhận đăng ký trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực. Lý do: số lượng các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh, khoản thu hồi nợ bảo lãnh rất ít phát sinh, hoặc đã phát</p>

		<p><b>Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) tiếp tục xem xét xử lý thủ tục đăng ký thay đổi cho tới khi kết thúc toàn bộ việc trả nợ, thu hồi nợ đối với các khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh, khoản cho vay ra nước ngoài và khoản thu hồi nợ bảo lãnh của tổ chức kinh tế đã được Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) xác nhận đăng ký trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực.</p> <p>2. Trường hợp đối tượng thực hiện thủ tục hành chính đã nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) tiếp tục xem xét xử lý thủ tục hành chính theo quy định tại các thông tư có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.</p> <p><b>Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện</b></p> <p>Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện</p>	<p>sinh từ nhiều năm trước và cơ bản sẽ sớm đáo hạn, do đó, Cục QLNH tiếp tục xử lý việc đăng ký thay đổi để đảm bảo theo dõi liền mạch, thống nhất, tránh lãng phí nguồn lực cho việc chuyển hồ sơ.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo quy định trường hợp đối tượng thực hiện thủ tục hành chính đã nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) tiếp tục xem xét xử lý thủ tục hành chính theo quy định tại các thông tư có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ. Quy định này phù hợp với thông lệ chuyển tiếp, tránh phát sinh thêm thời gian chuyển giao hồ sơ hoặc vướng mắc trong việc xác định thời hạn xử lý theo quy định mới tại dự thảo Thông tư.</p>
--	--	--	--

		Thông tư này./.	
--	--	-----------------	--